

Số: 354 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 19 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 181/TTr-STP ngày 24/01/2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 07 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Tư pháp Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện tham mưu xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Bãi bỏ Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Cổng TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Nghị**

**Phụ lục****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc UBND cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện cho ý kiến, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc UBND cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp. Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</li> <li>- Chi phí: 50.000.000 đồng /trường hợp. Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/06/2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư liên tịch số</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em).</li> <li>- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</li> <li>- Thời gian UBND cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu</li> </ul>	<p>trẻ em.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam: Tổ chức con nuôi nộp hồ sơ của người nhận con nuôi cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.</li> </ul>		<p>146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7/9/2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
--	--	--	---	--	--

	<p>trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp UBND cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày UBND cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho Bộ Tư pháp 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của UBND cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp tỉnh đồng ý.</li> <li>- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</li> <li>- Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</li> <li>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> <li>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60</li> </ul>			
--	--	--	--	--

		ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.			
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và thông báo cho người nhận con nuôi, cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 30 ngày, kể từ ngày nhận được các giấy tờ Sở Tư pháp gửi.</li> <li>- Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp về kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung ương về nuôi con nuôi</li> </ul>	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi và hồ sơ của người nhận con nuôi: Nộp tại Bộ Tư pháp	Mức thu lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/ trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/06/2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP</li> </ul>

		<p>của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>			ngày 29/9/2023 của Bộ Tư pháp.
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/06/2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ;</li> </ul>
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em làm con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- UBND cấp tỉnh ra quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/ trường hợp.	

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
--	--	--	--	--	--

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Ghi vào Sổ nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</li> <li>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</li> </ul>	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: + 75.000 đồng/ lần đổi với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.</li> <li>+ 45.000 đồng/ lần đổi với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp;</li> </ul>



				<p>lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND tỉnh Nam Định;</li> <li>- Nghị quyết số 115/2023/NQ-HĐND ngày 6/7/2023 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
--	--	--	--	--	---

### III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	<p>- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi:</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi ở hiện tại của</p>	Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí: 400.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/06/2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính</li> </ul>

		<p>người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, UBND cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.</p> <p>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</p>		<p>sau đây làm con nuôi; trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	<p>phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã	Không	